

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN “QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI”



**Brot**  
für die Welt



SỔ TAY HƯỚNG DẪN

## ÁP DỤNG QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH QUY MÔ NHỎ  
THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

SỔ TAY HƯỚNG DẪN

## ÁP DỤNG QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH QUY MÔ NHỎ  
THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



ISBN: 978-604-55-8985-4



9786045589854

SÁCH KHÔNG BÁN



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

# SỔ TAY HƯỚNG DẪN

## ÁP DỤNG QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

Thực hiện các công trình quy mô nhỏ theo cơ chế đặc thù trong  
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới



BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN “QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI”



**Brot**  
für die Welt



# SỔ TAY HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG

THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH QUY MÔ NHỎ  
THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	7
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	8
<b>I. CÁC KHÁI NIỆM</b> .....	9
1. Cộng đồng .....	9
2. Quản lý cộng đồng .....	10
3. Phân cấp trao quyền .....	10
<b>II. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	13
1. Căn cứ pháp lý .....	14
2. Các nguyên tắc chung .....	17
3. Phạm vi và đối tượng áp dụng .....	18
<b>III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN</b> .....	19
Bước 1: Lập kế hoạch .....	21
Bước 2: Nâng cao năng lực .....	23
Bước 3: Lập hồ sơ xây dựng công trình .....	25
Bước 4: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình .....	27
Bước 5: Lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia của cộng đồng .....	29
Bước 6: Thực hiện và giám sát thi công công trình .....	31
Bước 7: Nghiệm thu, bàn giao công trình .....	34
Bước 8: Thanh, quyết toán công trình .....	35
<b>IV. CÂU CHUYỆN NÔNG THÔN ĐỔI MỚI TỪ CÂY CẦU DÂN SINH</b> .....	39
<b>V. PHỤ LỤC</b> .....	43
BIÊN BẢN HỌP THÔN .....	43
QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN PHÁT TRIỂN THÔN .....	45
TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT ĐƠN GIÁ .....	46
QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐƠN GIÁ .....	48
HỒ SƠ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH .....	49
TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH HỒ SƠ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH .....	54
KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH .....	56
QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT HỒ SƠ XÂY DỰNG .....	58
THÔNG BÁO MỜI THẦU CỦA BAN QUẢN LÝ XÃ .....	59
ĐƠN DỰ THẦU .....	60

BIÊN BẢN LỰA CHỌN NHÀ THẦU .....	61
QUYẾT ĐỊNH DUYỆT KẾT QUẢ TRÚNG THẦU .....	63
HỢP ĐỒNG KINH TẾ THỰC HIỆN GÓI THẦU .....	64
BẢNG KÊ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BẰNG HIỆN VẬT .....	66
BẢNG KÊ ĐÓNG GÓP CÔNG .....	67
GIẤY BIÊN NHẬN .....	68
BẢNG KÊ CHI TIẾT CỘNG ĐỒNG ĐÓNG GÓP TIỀN MẶT .....	69
SỔ QUỸ TIỀN MẶT .....	70
HỢP ĐỒNG KINH TẾ MUA BÁN HÀNG HÓA.....	71
BIÊN BẢN NGHIỆM THU VẬT LIỆU XÂY DỰNG .....	73
BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG .....	74
BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN .....	75
BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG .....	76
GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ .....	77
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN .....	78
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>80</b>
<b>MỘT SỐ ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN.....</b>	<b>82</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Dự án “*Quản lý cộng đồng trong Chương trình nông thôn mới*”- viết tắt là dự án QLCD, được tổ chức Bánh mì cho Thế giới (Bread for the World - BftW, CHLB Đức) tài trợ trong thời gian 2018 – 2021, đã thực hiện thành công tại 18 thôn của 03 tỉnh Thanh Hóa, Lai Châu và Bắc Kạn. Dự án đã mang lại hiệu quả và lợi ích to lớn cho cộng đồng cấp thôn, xóm, được chính quyền địa phương và người dân đánh giá cao.

Dự án QLCD đã nâng cao năng lực cho nhóm người dân nông cốt, thúc đẩy vai trò chủ thể của người dân, không chỉ là người hưởng lợi mà trực tiếp ra các quyết định trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ theo nội dung của Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về *Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020*. Dự án QLCD phù hợp với chủ trương tăng cường phân cấp và thực hiện vai trò làm chủ của người dân theo phương châm: “*Dân cần, Dân biết, Dân bàn, Dân làm, Dân kiểm tra và Dân hưởng lợi*”.

Tại Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 ở tỉnh Nam Định, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh: “*Xây dựng nông thôn mới là Chương trình rất đúng, rất trúng, đi vào lòng người, khai thác được sức mạnh tổng thể của cả hệ thống chính trị kết hợp sức mạnh của từng người dân, tạo nên thành tích to lớn, toàn diện, mang tính lịch sử... Nông thôn mới chỉ có điểm khởi đầu, chưa và không có điểm kết thúc*”.

Cuốn Sổ tay “*Áp dụng quản lý cộng đồng thực hiện các công trình, dự án quy mô nhỏ theo cơ chế đặc thù trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*” được xây dựng nhằm hướng dẫn cụ thể về vai trò của các bên liên quan, quy trình thực hiện và các biểu mẫu theo yêu cầu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Với năm nội dung chính: Các khái niệm; Các quy định chung; Quy trình thực hiện; Câu chuyện cộng đồng điển hình và Các phụ lục kèm theo, cuốn Sổ tay sẽ là một tài liệu tham khảo quý báu, giúp Ban quản lý cấp xã và Ban Phát triển thôn trong quá trình thực hiện cơ chế đặc thù nhằm đạt được các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả và bền vững.

**GIÁM ĐỐC DỰ ÁN**



**Bùi Thị Kim**

**CHÁNH VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI  
NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG**



**Nguyễn Minh Tiến**



## **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

### **Viết tắt**

BQL

BftW

BPT

CSHT

KTXH

MTQG

NSNN

NTM

QLCĐ

UBND

### **Viết đầy đủ**

Ban quản lý

Tổ chức Bánh mì cho Thế giới

Ban phát triển

Cơ sở hạ tầng

Kinh tế xã hội

Mục tiêu quốc gia

Ngân sách Nhà nước

Nông thôn mới

Quản lý cộng đồng

Ủy ban nhân dân

## I. CÁC KHÁI NIỆM

### 1. Cộng đồng

Cộng đồng là một nhóm người chia sẻ chung giá trị hoặc lợi ích, sẵn sàng cùng nhau thực hiện những hành động tập thể nhằm tạo dựng hay bảo vệ giá trị và lợi ích chung của cả cộng đồng.

Cộng đồng không phải là một đơn vị hành chính mà là một tổ chức mang tính tự quản của những người chia sẻ chung giá trị hoặc lợi ích.

Cộng đồng hoạt động theo nguyên tắc:

- ✓ Tự nguyện của các thành viên;
- ✓ Đoàn kết trên tinh thần có đi, có lại;
- ✓ Tham gia trực tiếp và quan hệ trực tiếp;
- ✓ Lãnh đạo bằng thuyết phục và làm gương.

Theo Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 08 năm 2012 của Bộ Nội vụ, thôn, tổ dân phố “là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao” (Điều 2, Khoản 3). Cộng đồng dân cư ở thôn, tổ dân phố bàn, quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng (CSHT), các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi cấp thôn, tổ dân phố do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí và các công việc tự quản trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 5, Khoản 1).

Theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giai đoạn 2016 – 2020, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ địa phương có tư cách hợp lệ để thực hiện các gói thầu xây dựng các công trình CSHT quy mô nhỏ được áp dụng cơ chế đặc thù: “Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ địa phương được coi là có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện các gói thầu quy định tại Điều 27 của Luật Đấu thầu khi người dân thuộc cộng đồng dân cư hoặc tổ nhóm thợ, tổ chức đoàn thể sinh sống cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu” (Mục 2, Điều 7, Nghị định số 161/2016/NĐ-CP).

## 2. Quản lý cộng đồng

Quản lý cộng đồng (QLCĐ) là phương pháp quản lý, trong đó người dân là chủ thể, người dân có quyền và biết cách xác định các vấn đề ưu tiên, biết lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động phát triển một cách công khai minh bạch và có trách nhiệm giải trình. QLCĐ chú trọng tới việc chính quyền lắng nghe tiếng nói của người dân, đồng thời người dân có quyền và được trực tiếp tham gia vào quá trình ra quyết định tại địa phương.

Khi áp dụng QLCĐ, năng lực và trách nhiệm xã hội của cả người dân và chính quyền địa phương sẽ được nâng cao, từ đó người dân và chính quyền sẽ gắn kết hơn, góp phần tích cực vào quá trình lập và thực hiện kế hoạch, các quyết định nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và hiệu lực của chính quyền.

QLCĐ chú trọng đến người dân, đặc biệt là những người nghèo và người thiệt thòi, họ không chỉ là người hưởng lợi hoặc chỉ tham gia vào một số hoạt động theo sự sắp đặt của bên ngoài, mà họ thực sự là chủ thể, tự giải quyết các vấn đề mà họ quan tâm theo cách của họ và không vi phạm các quy định của pháp luật. Nhờ áp dụng QLCĐ, năng lực của người dân được nâng cao, các nỗ lực trong quá trình giảm nghèo được thực hiện một cách sáng tạo hơn, hiệu quả hơn, hiệu suất cao hơn, tăng tính sở hữu cộng đồng và do đó các thành quả của phát triển trở nên bền vững.

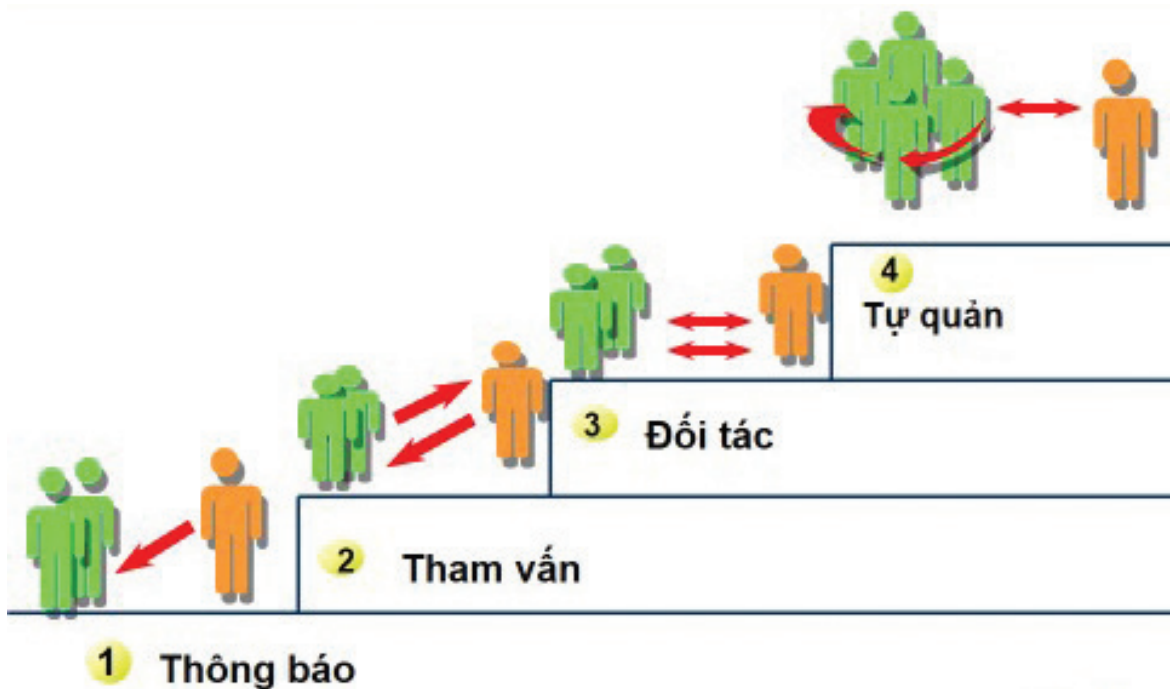
QLCĐ thực chất là giúp người dân và chính quyền có trách nhiệm hơn với cộng đồng, với xã hội, với môi trường và với thế hệ tương lai.

## 3. Phân cấp trao quyền

Phân cấp trao quyền trong áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) theo phương pháp QLCĐ được hiểu là phân cấp cho cấp xã làm chủ đầu tư và trao quyền tự quản cho cộng đồng thực hiện các công trình, dự án quy mô nhỏ nhằm tăng cường vai trò chủ thể của người dân trong quá trình phát triển cộng đồng đảm bảo tính dân chủ, trách nhiệm giải trình, hiệu quả và bền vững.

Mức độ phân cấp trao quyền cho cộng đồng tự quản có thể được đánh giá thông qua mức độ tham gia của cộng đồng vào từng bước của chu trình thực hiện các công trình, dự án áp dụng cơ chế đặc thù. Các mức độ tham gia có thể được chia theo bốn nấc thang từ thấp đến cao như sau: **Thông báo – Tham vấn – Đối tác – Tự quản**. Trong đó Tự quản là nấc thang cao nhất của tham gia hay còn gọi là QLCĐ.

## BẬC THANG VỀ CÁC MỨC ĐỘ THAM GIA



**Ghi chú:** Hình người màu xanh tượng trưng cho người dân cấp thôn, xóm và hình người màu vàng tượng trưng cho chính quyền địa phương.

### Các bậc thang tham gia:

**Thông báo:** Chính quyền địa phương có trách nhiệm thông báo các quyết định liên quan cho người dân để đảm bảo “Dân được biết”. Đây là bậc thang thấp nhất của sự tham gia.

**Tham vấn:** Chính quyền cần tham khảo ý kiến của người dân trước khi ra quyết định để đảm bảo “Dân được bàn”.

**Đối tác:** Chính quyền và người dân cùng bàn bạc và cùng ra quyết định một cách bình đẳng.

**Tự quản:** Người dân chủ động họp bàn và ra quyết định, chính quyền giám sát đảm bảo người dân chấp hành pháp luật và chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Đây là bậc thang cao nhất của sự tham gia, còn gọi là QLCD.



## II. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG



## 1. Căn cứ pháp lý

Nhằm đạt hiệu quả và đảm bảo tính bền vững trong quá trình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, một trong những giải pháp quan trọng được cơ quan quản lý và hoạch định chính sách xác định đó là đẩy mạnh sự phân cấp quản lý đến cơ sở đồng thời tăng cường sự tham gia và trao quyền tự chủ cho cộng đồng trong quá trình thực hiện các hoạt động của chương trình. Trong các văn bản của Chính phủ và các bộ, ngành đều nhấn mạnh chủ trương và đưa vào các nguyên tắc xuyên suốt quá trình hướng dẫn thực hiện.

- **Điều 27, Luật Đấu thầu năm 2013**, quy định: *“Cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương nơi có gói thầu được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu đó trong các trường hợp sau đây:*

- 1. Gói thầu thuộc Chương trình MTQG, Chương trình hỗ trợ xóa đói giảm nghèo cho các huyện, xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;*
- 2. Gói thầu quy mô nhỏ mà cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương có thể đảm nhiệm.”*

- **Quyết định số 800/QĐ-TTg** ngày 04/6/2010 của Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020: Các địa phương có trách nhiệm *“Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành cùng cấp trong việc tổ chức thực hiện chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở”*.

- **Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC** ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ/TTg quy định nguyên tắc: *“Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư địa phương là chính, Nhà nước đóng vai trò định hướng, ban hành các tiêu chí, quy chuẩn, chính sách, cơ chế hỗ trợ, đào tạo cán bộ và hướng dẫn thực hiện. Các hoạt động cụ thể do chính cộng đồng người dân ở thôn, xã bàn bạc dân chủ để quyết định và tổ chức thực hiện”*.

- **Quyết định số 498/QĐ-TTg** ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020, quy định: *“Đối với các công trình quy mô nhỏ, kỹ thuật đơn giản: Các địa phương được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù theo hướng không phải lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình chỉ cần lập dự toán đơn giản và chỉ định cho người dân và cộng đồng trong xã tự làm. Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện quyết định danh mục công trình được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù nêu trên.”*

- **Quyết định số 1600/QĐ-TTg** ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020, trong đó, giải pháp thực hiện chương trình nêu rõ: *“Tăng cường phân cấp, trao quyền cho cấp xã, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân và cộng đồng thực sự làm chủ trong xây dựng NTM theo cơ chế đầu tư đặc thù rút gọn; bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm trong suốt quá trình thực hiện Chương trình”*. Trong công tác phân cấp quản lý thực hiện, cấp tỉnh *“Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở”*.

- **Nghị định số 161/2016/NĐ-CP** ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020 quy định: *“Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp. Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản thay cho báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, cấp xã thẩm định, phê duyệt hồ sơ và cộng đồng có tư cách hợp lệ để tham gia thực hiện”*.

- **Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg** ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế quản lý điều hành thực hiện các Chương trình MTQG quy định: *“Lập kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phải gắn với việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở cấp xã, có sự tham gia của người dân hưởng lợi và cộng đồng. Việc lập kế hoạch phải làm rõ khả năng huy động nguồn vốn thực hiện chương trình gồm: nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (NSNN) được cấp có thẩm quyền thông báo dự kiến, nguồn vốn huy động từ cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác; cơ chế thực hiện; đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện từng nội dung, hoạt động của Chương trình MTQG trên địa bàn cấp xã”*.

- **Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT** ngày 14/02/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG: *“Cuộc họp thôn được tổ chức để đánh giá tình hình thực hiện, xác định nhu cầu và lựa chọn ưu tiên dự án đầu tư, quy mô, thời gian khởi công, hoàn thành, địa điểm thực hiện, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn NSNN và nguồn vốn khác, hình thức thực hiện. Lập danh mục dự án đầu tư của thôn gửi Ban quản lý (BQL) xã tổng hợp vào kế hoạch đầu tư của xã”*.

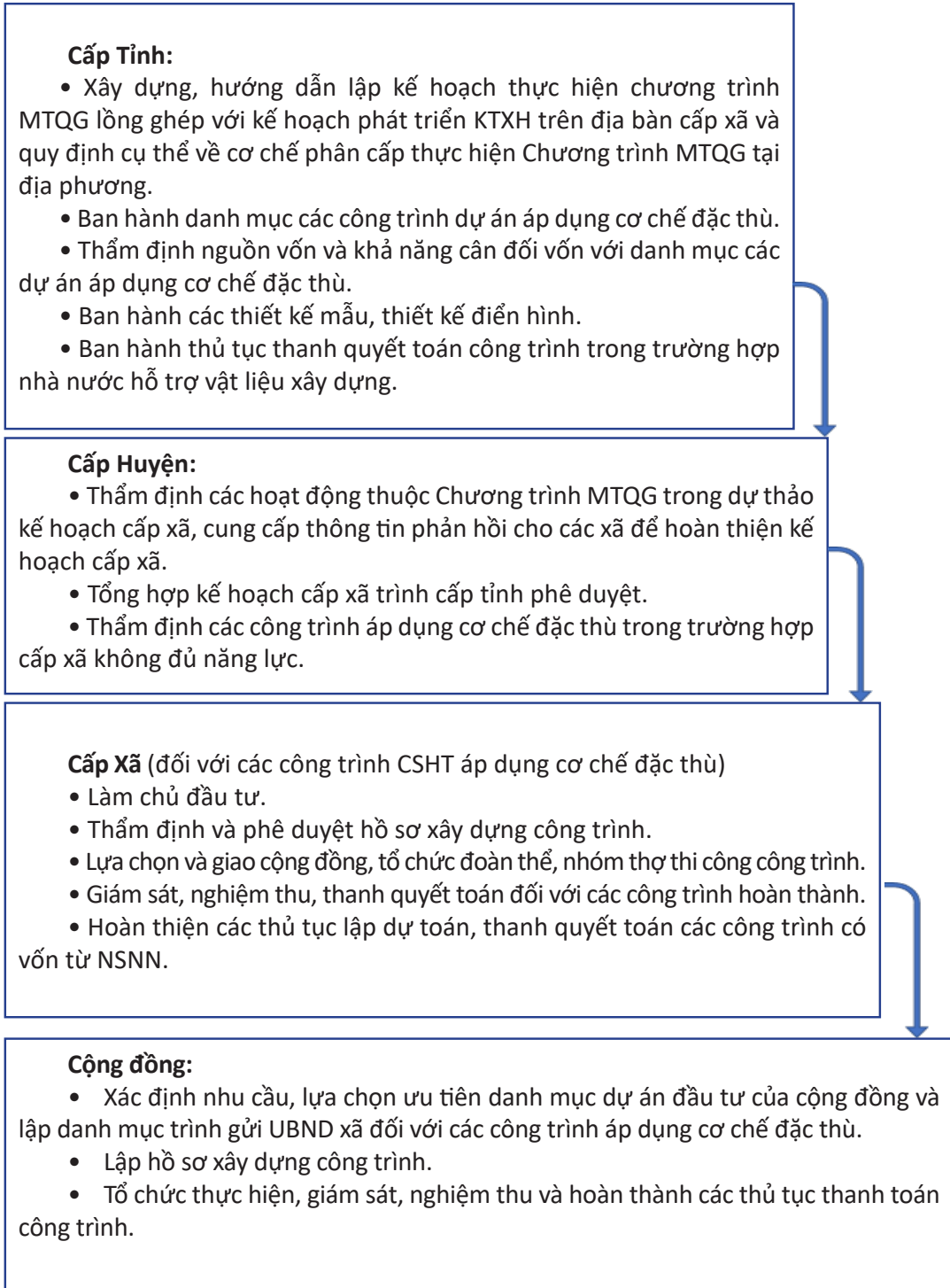
- **Thông tư số 349/2016/TT-BTC** ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ NSNN thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020.



- Công văn số 1082/KBNN-KSC ngày 23/3/2017 của Kho bạc Nhà nước về kiểm soát thanh toán các dự án thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020.

### Sơ đồ

**Phân cấp cho các cấp tỉnh, huyện, xã và cộng đồng thôn, xóm:**



## 2. Các nguyên tắc chung

<p>1. Việc quản lý thực hiện các dự án phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch từ cơ sở, phát huy tinh thần tự lực, tự cường của người dân và cộng đồng, đảm bảo sự tham gia, giám sát của người dân trong toàn bộ quá trình triển khai thực hiện.</p>	<p>2. Thực hiện phân cấp xã làm chủ đầu tư các dự án, trao quyền tự chủ cho cộng đồng, gắn với nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá, đảm bảo “xã có công trình, dân có việc làm và tăng thêm thu nhập”.</p>
<p><b>CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG</b></p>	
<p>4. Đa dạng hóa và lồng ghép các nguồn lực thực hiện; tăng cường sự phối hợp, liên kết hợp tác giữa tổ chức, cá nhân có liên quan; ưu tiên đầu tư cho các xã, thôn chủ động, tích cực, có nhu cầu cấp bách, có đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn.</p>	<p>3. Mọi thành viên trong cộng đồng đều bình đẳng tham gia và hưởng lợi, đặc biệt là phụ nữ, người nghèo, người thiệt thòi và người dân tộc thiểu số. Đảm bảo các yếu tố bình đẳng giới, giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.</p>

### **Nguyên tắc quản lý, điều hành thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM**

1. Phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công, NSNN và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
2. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; trách nhiệm của các bộ, ngành và các cấp ở địa phương; vai trò giám sát của cộng đồng trong quản lý và điều hành thực hiện các Chương trình MTQG.
3. Đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG; khuyến khích huy động nguồn lực xã hội để thực hiện các Chương trình MTQG.
4. Đảm bảo phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình MTQG.
5. Phát huy vai trò chủ thể và sự tham gia, đóng góp của cộng đồng dân cư vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG.

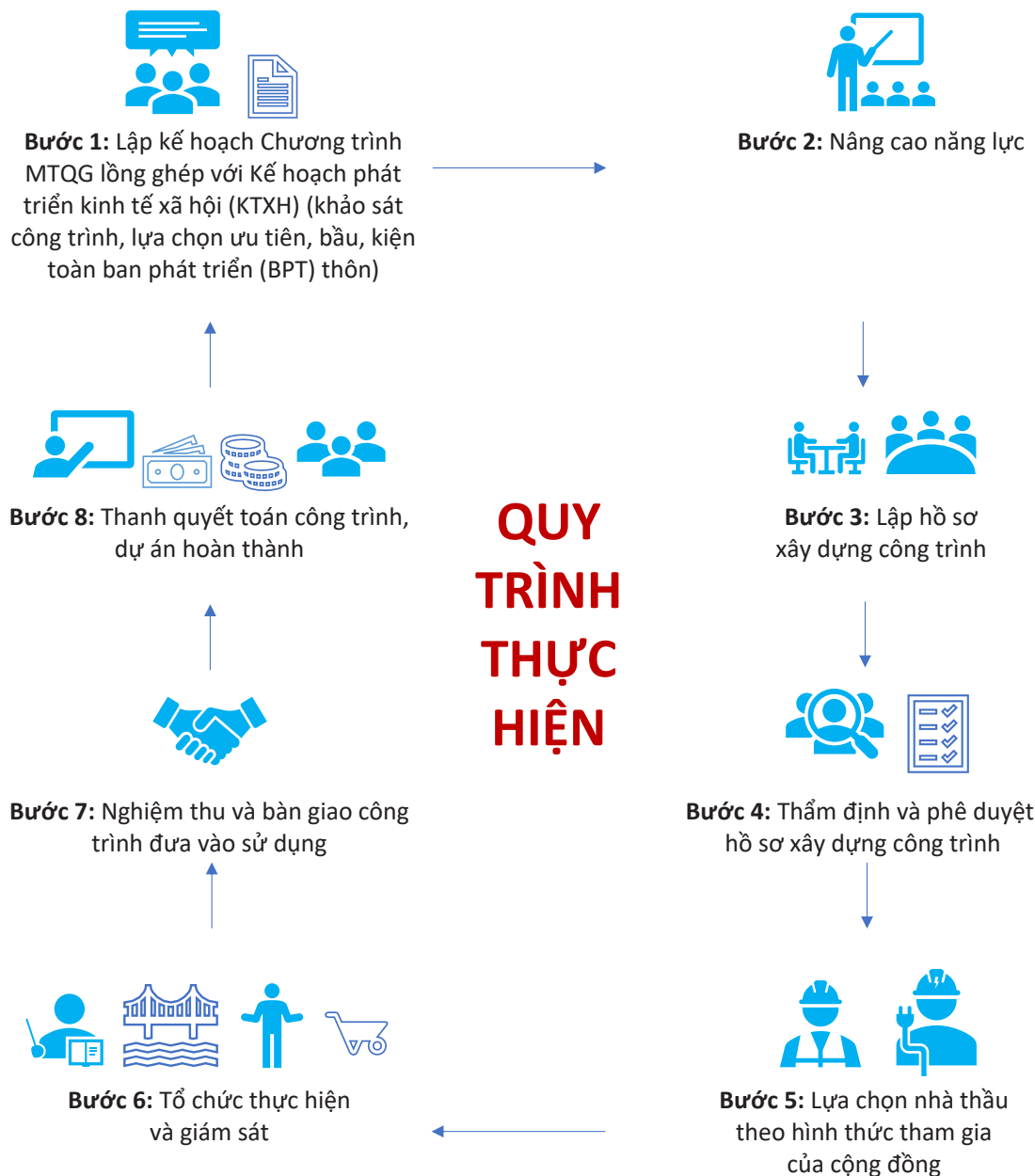
### **3. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đảm bảo phù hợp với khả năng tổ chức thực hiện, quản lý và giám sát ở cấp cơ sở, đặc biệt là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Trong đó, đối với các dự án đầu tư nhóm C, quy mô nhỏ, có sự tham gia của người dân được áp dụng lập “hồ sơ xây dựng công trình” theo mô hình đơn giản, phù hợp với khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi; phân cấp tới cấp xã (Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện thẩm định và phê duyệt “hồ sơ xây dựng công trình”; lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng.

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cộng đồng dân cư và cá nhân có liên quan trong thực hiện Chương trình MTQG.

### III. QUY TRÌNH THỰC HIỆN







## Bước 1: Lập kế hoạch

Lập kế hoạch là bước đầu tiên và quan trọng nhằm đảm bảo đáp ứng đúng nhu cầu và nguồn lực của người dân, phù hợp với quy hoạch của cấp xã, phù hợp với định hướng phân bổ ngân sách từ cấp trên để đưa vào Kế hoạch phát triển KTXH hàng năm của cấp xã.

### Tổ chức họp thôn với thành phần là đại diện:

- Các hộ dân, cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn hoặc có liên quan (các cuộc họp thôn có thể được tổ chức lồng ghép với các cuộc họp có nội dung khác của thôn).
- BQL xã cử đại diện tham dự và hỗ trợ tổ chức họp thôn (nếu cần).



**Mục tiêu:**

- Thành lập (kiện toàn) BPT thôn/Tổ kế hoạch thôn.
- Lựa chọn ưu tiên công trình và lập đề xuất danh mục dự án đầu tư của thôn gửi BQL dự án xã.

**Nội dung hoạt động:**

1. Bầu chọn thành viên BPT thôn/Tổ kế hoạch thôn:

- Thành phần: Đại diện ban ngành đoàn thể thôn, người có uy tín trong cộng đồng, người trực tiếp hưởng lợi, người có chuyên môn, kiến thức liên quan.
- Số lượng: Từ 3 – 5 thành viên hoặc đề xuất thêm các thành viên tùy theo thực tế, quy mô công trình. Khuyến khích sự tham gia của phụ nữ (ít nhất 40% nữ), người nghèo, cận nghèo và người dân tộc thiểu số.
- Sau khi được thành lập, tổ trưởng Tổ kế hoạch/BPT thôn báo cáo UBND xã để ra quyết định công nhận và thông báo danh sách thành viên của tổ trên hệ thống truyền thanh của xã hoặc bằng các hình thức thông tin khác tới người dân trong thôn.

2. Lựa chọn ưu tiên và lập danh mục dự án đầu tư thôn:

- Thông tin cho người dân về dự kiến ngân sách của xã, dự kiến mức hỗ trợ cho thôn (nếu có); nhắc lại mục tiêu, đối tượng, tiêu chí đầu tư của các Chương trình MTQG, định hướng đầu tư giai đoạn kế hoạch.
- Thảo luận nội dung dự kiến các dự án đầu tư đề xuất; khái toán và phân tích sơ bộ về mục tiêu, sự cần thiết của các dự án đầu tư để người dân có cơ sở lựa chọn và sắp xếp thứ tự ưu tiên.
- Sắp xếp thứ tự ưu tiên và lập Danh mục dự án đầu tư có các nội dung: Tên dự án, quy mô, thời gian khởi công – hoàn thành, địa điểm thực hiện, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn NSNN và nguồn vốn khác, hình thức thực hiện.
- Gửi Danh mục dự án đầu tư, biên bản cuộc họp, cam kết đóng góp (nếu có) và các tài liệu khác kèm theo về BQL xã.

**Lưu ý: Cuộc họp thôn quyết định về Danh mục dự án đầu tư hợp lệ khi:**

- Có trên 50% tổng số đại diện hộ dân của thôn hoặc đại diện được hộ dân ủy quyền tham dự cuộc họp;
- Có trên 50% tổng số thành viên tham dự cuộc họp đồng ý đối với Danh mục dự án đầu tư.
- Trường hợp không tổ chức được cuộc họp thôn, Tổ kế hoạch thôn phát phiếu lấy ý kiến về Danh mục dự án đầu tư tới các hộ dân và đảm bảo có trên 50% tổng số hộ dân của thôn đồng ý.

**Phụ lục 01, 02**

**Bước 2: Nâng cao năng lực**





### Đối tượng nâng cao năng lực:

- BQL dự án xã
- Ban phát triển thôn
- Ban giám sát đầu tư cộng đồng
- Đại diện cộng đồng

### Các chủ đề nâng cao năng lực:

- Quy trình thực hiện dự án đầu tư áp dụng cơ chế đặc thù trong Chương trình MTQG, bao gồm: Các quy định về quyền và trách nhiệm của chính quyền, các cơ quan, tổ chức và cộng đồng; các bước thực hiện áp dụng cơ chế đặc thù.
- Lập hồ sơ xây dựng công trình và một số kỹ thuật đơn giản trong xây dựng công trình nhóm C quy mô nhỏ.
- Theo dõi giám sát, đánh giá và nghiệm thu công trình.
- Các thủ tục tài chính: Thu thập hoá đơn chứng từ hợp lệ và hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán.
- Lồng ghép giới và thích ứng biến đổi khí hậu trong dự án.

### Một số lưu ý:

- Đối tượng tập huấn nâng cao năng lực tập trung vào các xã và thôn có công trình thực hiện trong năm kế hoạch.
- Phương pháp tập huấn kết hợp giữa lý thuyết và thực hành gắn trực tiếp với từng công trình dự án cụ thể.
- Thời gian tập huấn phù hợp với chu trình thực hiện dự án.
- Phối hợp với các bên liên quan để lồng ghép các nguồn lực tổ chức các khoá tập huấn với phương pháp tham gia.



### Bước 3: Lập hồ sơ xây dựng công trình

Các dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (gọi tắt là hồ sơ xây dựng công trình) thay cho Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.



UBND xã thẩm định và phê duyệt



BQL hoàn thiện hồ sơ



BQL tổ chức họp dân lấy ý kiến:

- Thống nhất các nội dung trong hồ sơ
- Các khoản đóng góp tự nguyện của người dân



BQL xã hoặc BPT thôn

lập hồ sơ xây dựng công trình

(đối với trường hợp công trình giao cho thôn thực hiện)

## HỒ SƠ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

- Tên dự án
- Mục tiêu đầu tư
- Địa điểm xây dựng
- Chủ đầu tư
- Quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành
- Thời gian thực hiện
- Tổng mức đầu tư, trong đó gồm:
  - Kinh phí nhà nước hỗ trợ (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương các cấp), đóng góp của nhân dân, huy động khác.
  - Bảng kê chi phí, trong đó ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ và đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được áp dụng theo giá thị trường.
- Bản vẽ thi công (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình.
- Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

**Phụ lục: 03, 04, 05**

**Bước 4: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình**

UBND xã chịu trách nhiệm thẩm định và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình

**Thành phần tổ  
thẩm định:**

- Tổ trưởng: Lãnh đạo UBND xã
- Thành viên:
  - Đại diện ban giám sát đầu tư cộng đồng xã
  - Tài chính – kế toán xã
  - Chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bầu chọn.

**Hồ sơ thẩm  
định:**

- Tờ trình thẩm định hồ sơ xây dựng công trình  
(Phụ lục: Tờ trình thẩm định hồ sơ xây dựng công trình)
- Hồ sơ xây dựng công trình
- Biên bản các cuộc họp của cộng đồng và các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

**Nội dung thẩm  
định:**

- Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các quy hoạch xây dựng và đề án xây dựng NTM cấp xã.
- Đánh giá sự phù hợp của thiết kế mẫu, thiết kế điển hình với điều kiện thực tế của mặt bằng thi công công trình.
- Tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công.
- Chủ trương đầu tư và khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân và các nguồn lực khác) theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và báo cáo thẩm định nguồn vốn và mức vốn NSNN...
- Tính hợp lý các chi phí so với mặt bằng giá tại địa phương (giá thị trường), các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có).

**Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định:**

- Không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.



**Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình:**

Căn cứ ý kiến thẩm định, UBND chỉ đạo hoàn thiện và phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.



**Lưu ý:**

Điều kiện về thời hạn phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đối với các dự án khởi công mới được bố trí vốn hàng năm: ***Trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho công trình, dự án.***

**Phụ lục 06, 07, 08**



## Bước 5: Lựa chọn nhà thầu theo hình thức tham gia của cộng đồng

Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương được coi là **có tư cách hợp lệ** để tham gia thực hiện các gói thầu quy định tại Điều 27 của Luật Đấu thầu khi người dân thuộc cộng đồng dân cư hoặc tổ, nhóm thợ, tổ chức đoàn thể sinh sống, cư trú trên địa bàn triển khai gói thầu và được hưởng lợi từ gói thầu.



### **Điều 27 (Luật Đấu thầu). Tham gia thực hiện của cộng đồng**

*Cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương nơi có gói thầu được giao thực hiện toàn bộ hoặc một phần gói thầu đó trong các trường hợp sau đây:*

1. Gói thầu thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ xóa đói giảm nghèo cho các huyện, xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;
2. Gói thầu quy mô nhỏ mà cộng đồng dân cư, tổ chức, tổ, nhóm thợ tại địa phương có thể đảm nhiệm.

Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thực hiện bởi cộng đồng được phê duyệt trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu là: **tham gia thực hiện của cộng đồng.**

Quy trình lựa chọn nhà thầu là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ:



**1. BQL xã niêm yết thông báo** (ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu) công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu **(tối thiểu 3 ngày làm việc)**

- Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã
- Thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã
- Tại các nơi sinh hoạt cộng đồng  
(Phụ lục: Thông báo của BQL xã về việc mời thầu thi công xây dựng công trình)



**4. BQL xã xem xét, đánh giá lựa chọn** cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán và ký kết hợp đồng.

*(Chỉ giao tổ, nhóm thợ địa phương thực hiện khi cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể không có đơn đăng ký thực hiện gói thầu, dự án hoặc không đáp ứng yêu cầu)*



**2. BQL xã dự thảo** hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên.



### QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

**3. Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ** quan tâm nhận dự thảo hợp đồng → nghiên cứu, chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu/dự án:

- Họ tên; Độ tuổi; Năng lực, kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu
- Giá nhận thầu và tiến độ thực hiện

**Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 30 ngày.**

**Phụ lục 09, 10, 11, 12**

## Bước 6: Thực hiện và giám sát thi công công trình





UBND xã có trách nhiệm cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ thi công

BQL xã, Ban giám sát đầu tư cộng đồng của xã có trách nhiệm giám sát



(3)



Cộng đồng/tổ chức thực hiện thi công công trình  
Thu thập hoá đơn, chứng từ và ghi chép sổ sách

(2)



BQL xã ký kết hợp đồng với đại diện của cộng đồng/tổ chức được giao để thi công thực hiện công trình

(1)



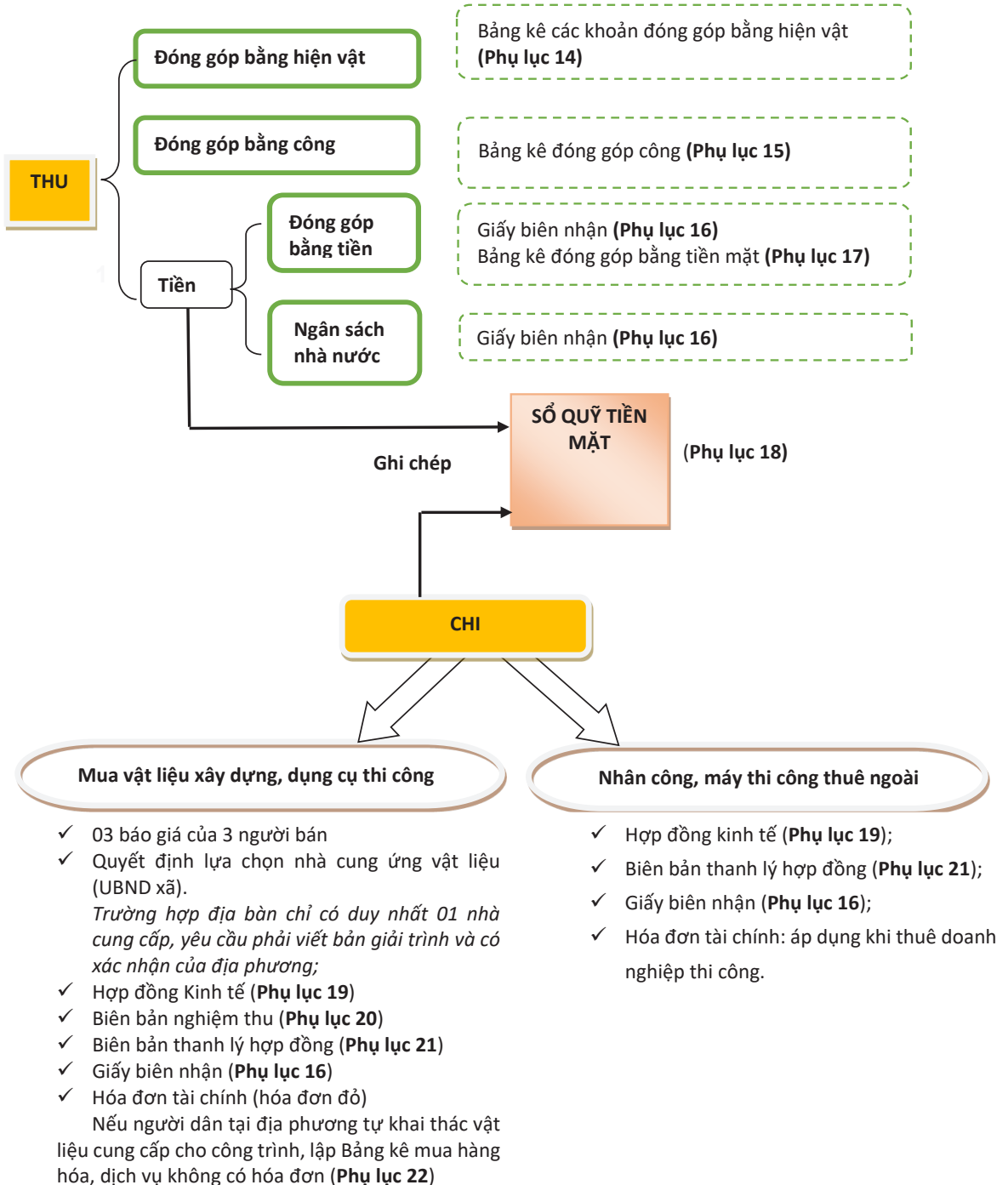
**Căn cứ:**

- Hồ sơ xây dựng công trình được phê duyệt
- Kết quả lựa chọn đơn vị thi công
- Kế hoạch giao vốn chi tiết cho dự án

**Phụ lục 13**

**Thu thập hoá đơn chứng từ và ghi chép sổ sách**

Khi tiến hành thực hiện dự án, công trình cần ghi chép đầy đủ các khoản đóng góp, các nguồn vốn hỗ trợ và việc sử dụng các nguồn vốn đó để thực hiện công trình cần có đầy đủ các chứng từ, hoá đơn để chứng minh. Với từng hoạt động cần thu thập các loại chứng từ, hoá đơn như sau:



## **Bước 7: Nghiệm thu, bàn giao công trình**

**BQL xã tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình:**

**Thành phần:**





- Đại diện Ủy ban nhân dân xã;
- BQL xã;
- Ban giám sát đầu tư cộng đồng của xã;
- Đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công;
- Các thành phần có liên quan khác do Ủy ban nhân dân xã quyết định.

**Phụ lục 23**

**Bước 8: Thanh, quyết toán công trình**

Trách nhiệm thực hiện: UBND xã hoàn thiện các thủ tục thực hiện thanh quyết toán công trình. Phối hợp với nhà thầu/cộng đồng thực hiện công trình để hoàn thiện các thủ tục này.

Công trình	Thanh quyết toán
<p>Xây dựng công trình áp dụng cơ chế đặc thù:</p> 	<p>Các thủ tục thanh quyết toán áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện theo quy định của Nhà nước.</p>
<p>Các dự án đầu tư sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng nguồn vốn NSNN:</p> 	<p>Phần vốn NSNN của dự án thực hiện theo quy định của Nhà nước.</p>
<p>Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.</p>  	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn.</li> <li>- Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu. Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.</li> <li>- Các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý, không hạch toán vào thu, chi NSNN.</li> </ul>

<p>Các dự án thực hiện theo hình thức <b>NSNN hỗ trợ vật liệu xây dựng</b> và các hình thức hỗ trợ khác</p> 	<p>- UBND cấp tỉnh quy định cụ thể việc quản lý, thanh toán, quyết toán phần vốn ngân sách hỗ trợ cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các quy định hiện hành của Nhà nước.</p>
<p><b>Chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án:</b></p> 	<p>- Nội dung và định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo các quy định hiện hành và điều kiện cụ thể của địa phương nhưng không cao hơn các định mức chi phí theo quy định chung của Nhà nước.</p>

**Mở tài khoản:**

- UBND xã mở tài khoản thanh toán vốn đầu tư tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.
- Kho bạc Nhà nước cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn UBND xã mở tài khoản để được thanh toán vốn.

**Hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án:**

- Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của UBND xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình (Phụ lục quyết định phê duyệt và Hồ sơ xây dựng).
- Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa BQL xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm, thợ (Phụ lục Hợp đồng kinh tế).  
Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng, cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hồ sơ pháp lý gửi *Kho bạc Nhà nước không yêu cầu gửi Quyết định lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, hồ sơ tạm ứng vốn không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn.*  
Đối với dự án khởi công mới thì hồ sơ xây dựng công trình phải được **phê duyệt trước thời điểm giao kế hoạch vốn chi tiết cho dự án.**  
*Các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư.*

**Tạm ứng vốn:**

Để được tạm ứng vốn, chủ đầu tư là UBND xã gửi đến Kho bạc Nhà nước cấp huyện các tài liệu sau:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy rút vốn đầu tư;

*Không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn - Mức tạm ứng tối đa không quá 50% giá trị công trình (và không vượt kế hoạch vốn đầu tư đã bố trí hoặc cân đối trong năm cho gói thầu) – Thu hồi toàn bộ khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.*

**Hồ sơ thanh toán**

- Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;
- Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư);
- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư;
- Giấy rút vốn đầu tư.

*Chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hoá đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc.*

**Quyết toán dự án hoàn thành**

Để phục vụ cho công tác quyết toán khi dự án/công trình hoàn thành, toàn bộ những chứng từ, hoá đơn, hợp đồng và biên bản nghiệm thu khi thu mua vật liệu, thuê máy móc, thuê nhân công (nếu có), nhóm cộng đồng tập hợp đầy đủ và bàn giao lại cho BQL xã, phối hợp với BQL để hoàn thiện các chứng từ khác do BQL yêu cầu để phục vụ cho công tác quyết toán.

Các dự án đầu tư thuộc các Chương trình MTQG khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm: Các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA.

**Phụ lục 24, 25**

**Chú ý:** Sau khi hoàn thiện mọi thủ tục liên quan đến công trình, BPT thôn tổ chức họp dân công khai tài chính công trình dự án:

**Nội dung:**

- Trình bày các kết quả về chất lượng và tiến độ công trình dự án hoàn thành (kích thước, khối lượng, tiêu chuẩn, thời gian hoàn thành...).
- Công tác quản lý, giám sát.
- Sự tham gia, đóng góp của người dân.
- Giải trình các khoản thu, khoản chi và các ý kiến chất vấn, góp ý rút kinh nghiệm.



Công trình sau khi nghiệm thu hoàn thành được bàn giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi với tư cách là chủ sử dụng công trình để quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng lâu dài.



## IV. CÂU CHUYỆN NÔNG THÔN ĐỔI MỚI TỪ CÂY CẦU DÂN SINH

Không còn bị cách ly với bên ngoài mỗi mùa mưa lũ về, không còn cảnh phải lội qua dòng suối nước chảy xiết hay phải gồng mình đi qua cầu tre, cầu gỗ lỏng lẻo được bắc tạm bợ... Chiếc cầu dân sinh bằng bê tông vững chắc được xây dựng tại thôn Nà Váng, xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn đã giúp người dân đi lại an toàn, bộ mặt nông thôn đổi mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.



*Cây cầu Phiêng Chìn được người dân thôn Nà Váng xây dựng và đưa vào sử dụng cuối năm 2019*

Đôn Phong là xã vùng cao với địa hình nhiều đồi núi, sông suối. Những dòng suối thường ngày nước chỉ đến mắt cá chân bỗng trở thành hung dữ sau mỗi trận mưa lũ. Những lúc như vậy, trẻ em không thể đến trường, người lớn không thể đi làm, giao thông bị chia cắt hoàn toàn làm đảo lộn cuộc sống của bà con. Người dân ở thôn Nà Váng, xã Đôn Phong đã phải tìm cách khắc phục, làm cây cầu tạm bằng gỗ để qua suối. Nhưng mỗi khi mưa xuống, những đợt lũ bất thành linh đổ về dâng cao và chảy xiết, cuốn phăng chiếc cầu tạm trong sự bất lực của mọi người. Bà Nguyễn Thị Khuyên người dân thôn Nà Váng cho biết: *“Tôi sống ở đây gần hết đời người rồi. Vào mùa mưa lũ, mỗi khi trời mưa lớn, nước suối dâng cao, khu vực này gần như bị chia cắt. Ai ai cũng mong mỏi có được một cây cầu qua suối chắc chắn để cuộc sống giảm bớt khó khăn, con em của mình được đi học an toàn...”*





*Người dân gia cố lại cây cầu tạm sau mỗi trận mưa*

Niềm mong đợi của nhân dân thôn Nà Váng đã trở thành hiện thực khi thôn Nà Váng được lựa chọn là một trong sáu thôn tham gia vào dự án “Quản lý cộng đồng trong chương trình Nông thôn mới” triển khai tại địa bàn huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Một cây cầu bê tông cốt thép vững chắc dài 12m, rộng 1,5m được hoàn thành bằng phương pháp Quản lý cộng đồng trước sự vui mừng của hơn năm mươi hộ dân trong thôn.

*“Cây cầu qua suối này là niềm mơ ước, mong mỏi của người dân chúng tôi từ bao đời nay, từ thời ông bà, bố mẹ tôi cơ. Ngày mà dự án mới về họp thôn để tổ chức đánh giá nhu cầu, lựa chọn các giải pháp ưu tiên của thôn, chúng tôi thậm chí còn chưa dám nghĩ đến việc xin dự án hỗ trợ để xây dựng một cây cầu bằng bê tông đâu. Vì chúng tôi nghĩ để hoàn thành cây cầu này chắc phải vài trăm triệu đồng, thậm chí tiền tỉ ấy chứ, vậy nên lúc ấy chúng tôi chỉ dám đề xuất xin dự án hỗ trợ kinh phí để người dân xây dựng hai cái mố cầu thật vững chắc thôi chứ không nghĩ tới một cây cầu hoàn chỉnh.”* Ông Trịnh Xuân Hồng - Trưởng nhóm cộng đồng xây dựng cầu Phiêng Chìn bồi hồi chia sẻ.

Năm 2019, thôn Nà Váng được dự án và chương trình Nông thôn mới hỗ trợ tổng ngân sách là 130 triệu đồng để tự đánh giá hiện trạng trong thôn, lựa chọn các vấn đề khó khăn nhất và bàn bạc về các giải pháp giải quyết. Các cây cầu qua suối được bà con nghĩ đến đầu tiên. Ban đầu bà con chỉ dám nghĩ tới việc tận dụng tiền dự án hỗ trợ để làm những mố cầu kiên cố trước đã vì sợ không đủ kinh phí. Sau rất nhiều lần họp bàn, thảo luận, tính toán với sự động viên và hỗ trợ kỹ thuật của chính quyền xã và các cán bộ dự án, các nhóm cộng đồng trong thôn đã mạnh dạn

lập kế hoạch, xây dựng ngân sách chi tiết, tự tổ chức thực hiện và đã hoàn thành không chỉ một mà những ba cây cầu qua suối của thôn Nà Váng ngay trong trước dịp Tết Nguyên đán 2020. Ngoài cây cầu khu Phiêng Chìn còn có cây cầu khu Vằng Ca và cây cầu khu trung tâm Nà Váng, khiến người dân vô cùng phấn khởi và hạnh phúc...

Được biết, tổng kinh phí của cây cầu khu Phiêng Chìn là khoảng 130 triệu đồng, trong đó dự án và chương trình Nông thôn mới hỗ trợ 46 triệu đồng, còn lại là đóng góp của người dân, chủ yếu bằng hiện vật và công lao động quy ra tiền. Câu chuyện về việc người dân thôn Nà Váng được hỗ trợ 130 triệu đồng từ dự án và tự lập kế hoạch, huy động nhân dân xây dựng được ba cây cầu qua suối đã trở thành nguồn cảm hứng, tấm gương điển hình trong công cuộc xây dựng Nông thôn mới tại tỉnh Bắc Kạn.

*“Đến lúc này, khi mà cây cầu đã hoàn thành nhưng tôi và rất nhiều người dân trong thôn vẫn không thể tin được đây là sự thật. Bây giờ người dân đã không còn thấp thỏm, lo âu mỗi mùa lũ về nữa rồi. Có cây cầu thì việc vận chuyển nông sản, phân bón dễ dàng và hiệu quả hơn, đặc biệt là con em chúng tôi không còn phải nghỉ học vì bị cách ly bởi dòng nước xiết nữa. Quá trình thực hiện thì cũng khá là khó khăn, vì kinh phí có hạn nên chúng tôi phải đóng góp thêm và tiết kiệm tối đa các khoản chi phí. Ví dụ như việc thiết kế, kỹ thuật làm cầu thì chúng tôi nhờ bên phía ủy ban xã và tìm người thợ nào nhiều kinh nghiệm tư vấn miễn phí cho thôn. Một số vật liệu sẵn có tại địa phương như đá hộc, sỏi thì chúng tôi tự huy động người dân đi nhặt ở suối về làm. Tuy có vất vả, nhưng lại tiết kiệm được đáng kể chi phí... Ngoài ra thì bất kể việc gì mà người dân có thể tự làm được thì chúng tôi đều bỏ công ra làm chứ không dám đi thuê, chỉ những việc nào yêu cầu kỹ thuật cao và an toàn thì bắt buộc phải có thợ kỹ thuật”. Ông Trịnh Xuân Hồng Trưởng nhóm cộng đồng xây dựng cầu Phiêng Chìn chia sẻ thêm.*



Việc giám sát, thi công công trình được đảm bảo một cách nghiêm túc

Đứng trên cây cầu Phiêng Chìn bằng bê tông cốt thép, trụ cứng vững chắc này, Ông Triệu Phúc Ty – Chủ tịch UBND xã Đôn Phong chia sẻ: *“Quá trình thực hiện cây cầu này tôi cũng nắm rất rõ ràng. Bởi từ các bước người dân họp bàn, tính toán lập kế hoạch đến thẩm định, giám sát thi công tôi đều tham gia, hỗ trợ đầy đủ cả...Ban đầu thì tôi cũng lo lắng lắm, kinh phí không đủ là một phần, phần nữa là lo người dân không đủ khả năng và kỹ thuật để làm cầu. Nhưng dần theo quá trình người dân họp bàn, lập kế hoạch thì tôi cũng bị thuyết phục, thậm chí còn tư vấn rất nhiều cho thôn để hoàn thiện bản kế hoạch một cách khả thi nhất. Sau khi cây cầu hoàn thành và đưa vào sử dụng tôi mới thấy nhẹ nhõm và vui mừng thay cho bà con. Bởi đây là vấn đề nhức nhối bao lâu nay của thôn, mỗi lần tiếp xúc cử tri là tôi lại được nghe bà con mong mỏi hỗ trợ nhưng chưa tìm được nguồn lực và cách giải quyết. Qua đó mới có thể thấy rằng người dân thật sự rất giỏi và quyết tâm, chỉ cần thật sự đúng nhu cầu và nguyện vọng của họ thì việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới không còn là vấn đề khó khăn nữa. Tôi cũng thường xuyên chia sẻ câu chuyện này tới các thôn, bản khác trong địa bàn toàn xã để nhân dân có niềm tin và cảm hứng trong công cuộc xây dựng Nông thôn mới của thôn, bản mình”.*



*Ngày nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình cầu qua suối Phiêng Chìn*

Quản lý cộng đồng thực sự là một phương pháp rất hiệu quả, hiệu suất và bền vững theo đúng phương châm: *“Dân cần - Dân biết - Dân bàn - Dân làm - Dân kiểm tra và Dân thụ hưởng”* với sự hỗ trợ nhiệt huyết và có trách nhiệm của lãnh đạo chính quyền địa phương.

## V. PHỤ LỤC

## Phụ lục 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BIÊN BẢN HỌP THÔN

V/v thống nhất lựa chọn các nội dung đầu tư, hỗ trợ từ Chương trình MTQG xây dựng NTM thôn/bản ..... xã ..... huyện .....

Thời gian: .....giờ .....phút, ngày..... tháng ..... năm .....

Địa điểm: Tại.....

Thành phần tham dự:

Cấp xã:

.....  
.....

Đại diện thôn/bản, đoàn thể của địa phương:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

+ Số hộ dân dự họp: theo danh sách đính kèm với Tổng số ..... hộ, gồm có:

Phụ nữ .....; Hộ nghèo....., chiếm tỉ lệ .....% trong tổng số hộ dân dự họp.

**Nội dung cuộc họp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

\* Ý kiến của người dự họp về việc đề xuất, lựa chọn các nội dung đầu tư, hỗ trợ từ chương trình MTQG xây dựng NTM năm ..... như sau:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Sau khi trao đổi, bàn bạc, nhân dân đã thống nhất đề xuất các nội dung đầu tư, hỗ trợ và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên giảm dần, cụ thể như sau:

**Danh mục dự án đầu tư**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên dự án	Quy mô	Địa điểm thực hiện	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Lũy kế vốn đã bố trí	Dự kiến vốn bố trí trong kỳ kế hoạch		Hình thức thực hiện	Nội dung khác (nếu cần)
						Vốn NSNN (TW, Tỉnh, huyện, xã)	Vốn khác		Vốn NSNN (TW, Tỉnh, huyện, xã)	Vốn khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(...)
1	Dự án khởi công mới											
2												
3												
4												
	...											

Biên bản kết thúc lúc ..... giờ ..... phút cùng ngày, có đọc lại cho tất cả thành viên dự họp nghe và thống nhất với các nội dung đã ghi vào biên bản.

Biên bản được lập thành hai (02) bản có nội dung như nhau và giao cho trưởng thôn/bản ..... lưu 01 (một) bản./.

**Đại diện xã**

**Đại diện thôn/bản**

**Người ghi biên bản**

**Phụ lục 02**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ .....  
Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN PHÁT TRIỂN THÔN**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN XÃ .....**

*Căn cứ*.....;

*Căn cứ*.....;

*Căn cứ*.....;

*Theo đề nghị của* .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban Phát triển thôn/xóm ....., gồm các ông, bà sau:

- |                  |               |                |
|------------------|---------------|----------------|
| 1. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... | Làm trưởng ban |
| 2. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... | ban            |
| 3. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... | Làm phó ban    |
| 4. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... | Làm kế toán/   |
| 5. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... | thủ quỹ        |
| 6. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... |                |
| 7. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... |                |
| 8. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... |                |
| 9. Ông/bà:.....  | Chức vụ:..... |                |
| 10. Ông/bà:..... |               |                |

**Điều 2.** Ban phát triển thôn..... có nhiệm vụ quản lý và tổ chức thực hiện công trình ..... Trưởng ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phó trưởng ban và các thành viên.

**Điều 3.** Các ông bà có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận**  
Như Điều 3  
Lưu: VT

**CHỦ TỊCH UBND XÃ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 03**

UBND Xã.....  
BPT thôn.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTtr- BPT thôn ..... , ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH PHÊ DUYỆT ĐƠN GIÁ**  
**(vật liệu, nhân công, máy thi công xây dựng)**

**Áp dụng cho Công trình .....**

Kính gửi: .....

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH 13;

Căn cứ .....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ....../...../20.... của UBND xã..... về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình .....

Ban phát triển thôn ..... trình chủ đầu tư phê duyệt đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công, áp dụng cho công trình ..... (*nội dung đơn giá tại phụ biểu đính kèm*).

Ban phát triển thôn ..... đề nghị Chủ đầu tư xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- UBND xã.....
- BPT thôn.....
- Lưu BQLDA.....

**TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THÔN**

**Bảng phụ lục giá vật liệu**

(Kèm theo Tờ trình số: ...../TTr-BPT thôn ngày ...../...../20.... của BPT thôn .....)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Giá đến chân công trình (đã bao gồm VAT)	Ghi chú
<b>I</b>	<b><i>Vật liệu</i></b>			
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
....				
<b>II</b>	<b><i>Nhân công</i></b>			
1				
2				
3				
4				
5				
.....				
<b>III</b>	<b><i>Máy thi công</i></b>			
1				
2				
3				
4				
.....				

**Người lập biểu**

(Ký ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THÔN**

(Ký ghi rõ họ tên)



**Phụ lục 04**

UBND xã.....  
Số :...../QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày..... tháng..... năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐƠN GIÁ**

**(vật liệu, nhân công, ca máy áp dụng xây dựng)**

**Công trình .....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ .....**

Căn cứ luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ ..... về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG .....giai đoạn.....;

Căn cứ báo giá vật liệu thực tế trên địa bàn công trình được xây dựng;

Xét đề nghị của Ban phát triển thôn.....tại tờ trình số:..... ngày..... tháng .....năm 20..... v/v phê duyệt đơn giá nhân công, vật liệu, máy thi công áp dụng cho các công trình.....

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt đơn giá vật liệu, giá nhân công, ca máy đến chân công trình được xây dựng (có biểu kèm theo) giá trên đã bao gồm VAT.

**Điều 2:** Đơn giá vật liệu, giá nhân công, ca máy được phê duyệt theo Quyết định này là cơ sở để áp dụng xây dựng giá trị dự toán duy tu bảo dưỡng công trình.

**Điều 3:** Các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận**

- Như điều 3
- Lưu VT

**CHỦ TỊCH UBND XÃ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Phụ lục 05**

UBND xã.....  
BPT thôn:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**HỒ SƠ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

**Tên công trình:** .....

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân xã .....

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ ..... ngày ..... của ..... về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG .....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND huyện... về việc giao dự toán kinh phí thực hiện xây dựng công trình thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG.....;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày.../.../... của UBND xã..... về việc thành lập Ban phát triển thôn..... xã.....;

Ban phát triển thôn..... lập Hồ sơ xây dựng công trình với nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

**1. Tên công trình:**.....

**2. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình:**

**3. Loại, cấp, quy mô công trình:** .....

**4. Chủ đầu tư:** .....

**5. Chủ sử dụng công trình:** .....

**6. Địa điểm xây dựng:** .....

**7. Thời gian thực hiện:** .....

**8. Giá trị dự toán xây dựng công trình:** .....đồng

(Bằng chữ: .....) )

Vốn nhà nước hỗ trợ:.....đồng.

Vốn nhân dân đóng góp: ..... đồng.

**Trong đó:**

- Chi phí xây dựng:.....đồng.

- Chi phí quản lý dự án: .....đồng.

- Chi phí khác: .....đồng.

**9. Nguồn vốn:** .....

**10. Đơn vị lập dự toán công trình:** .....

**11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:** .....

**12. Diện tích sử dụng đất:**

Tổng diện tích xây dựng công trình: .....m<sup>2</sup>.

**13. Quy mô xây dựng và các thông số kỹ thuật chủ yếu:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**14. Khả năng tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**II. CÁC PHỤ LỤC CHI TIẾT KÈM THEO**

- Đơn giá vật liệu, nhân công, ca máy do UBND xã duyệt
- Bảng tính khối lượng vật tư, nhân công
- Bảng tổng hợp dự toán xây dựng
- Bảng dự toán chi tiết

**TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THÔN**

*(Ký ghi rõ họ tên)*

**BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Công trình:.....

STT	Nội dung quy cách công việc	Kích thước			Đơn vị tính	Khối lượng
		Dài	Rộng	Cao		
1	Đổ bê tông..... mác 250					
2	Gỗ cốt pha.....					
3	Cát rải nền đường.....					
4	Nilong lót nền					
5	.....					
6	.....					

**Ghi chú:**

- Cần ghi đầy đủ quy cách của từng loại công việc cụ thể
- Kích thước ghi trong bảng là kích thước thực tế đã được tính toán nên không cần trình bày cách tính kích thước trong bảng.

**Người lập biểu**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THÔN**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG**

**CÔNG TRÌNH .....**

TT	Các khoản chi phí	Cách tính	Chi phí trực tiếp	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Chi phí đầu tư xây dựng</b>	<b>1 + 2</b>	...	
1	<b>Chi phí bằng nguồn do nhà nước đầu tư; các nguồn vốn huy động khác</b>	1 = a+b+c	...	
	a- Vật liệu			
	b- Máy thi công			
	c- Nhân công			
2	Đóng góp của người dân	2= a+b+c+d	....	
	a- Vật liệu			
	b- Máy thi công			
	c- Nhân công			
	d- Đất đai hoặc tài sản trên đất			
<b>II.</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>		....	
<b>III.</b>	<b>Chi phí tư vấn</b>		....	
1	Chi phí khảo sát (nếu có):		...	
2	Chi phí giám sát cộng đồng:		...	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>		....	
1	Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng công trình (Do ..... thẩm định)		....	
2	Chi phí thẩm tra - phê duyệt quyết toán công trình		....	
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng (nếu có)</b>			
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>I+II+III+IV+V</b>	....	

*\*Các chi phí liên quan đến mục II,III,IV căn cứ trên quy định của HĐND tỉnh*

**Người lập biểu**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THÔN**  
(Ký ghi rõ họ tên)

**DỰ TOÁN CHI TIẾT**

CÔNG TRÌNH: .....

TT	Khoản mục chi	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền			Ghi chú
					Tổng	Ngân sách	Dân đóng góp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ VẬT LIỆU</b>							
1								
2								
3								
4								
5								
6								
	...							
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ MÁY THI CÔNG</b>							
1								
2								
3								
	...							
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ NHÂN CÔNG</b>							
1								
2								
3								
	....							
<b>D</b>	<b>NỘI DUNG KHÁC</b>							
	<b>TỔNG CỘNG</b>							

Người lập biểu  
(Ký ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THÔN  
(Ký ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 06**

UBND xã.....  
BPT thôn:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TỜ TRÌNH THẨM ĐỊNH HỒ SƠ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Tên công trình: .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã .....

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ.....ngày ..... của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG .....

Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày .../.../.... của UBND huyện... về việc giao dự toán kinh phí thực hiện xây dựng công trình thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG.....;

Căn cứ có liên quan khác (của UBND tỉnh).....;

Ban phát triển thôn..... trình UBND xã .....thẩm định hồ sơ xây dựng công trình ..... với các nội dung sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

**1. Tên công trình:** .....

**2. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình:**  
.....  
.....

**3. Loại, cấp, quy mô công trình:** .....

**4. Chủ đầu tư:** .....

**5. Chủ sử dụng công trình:** .....

**6. Địa điểm xây dựng:** .....

**7. Thời gian thực hiện:** .....

**8. Giá trị dự toán xây dựng công trình:** .....đồng

(Bằng chữ: .....) )

Vốn nhà nước hỗ trợ:.....đồng.

Vốn nhân dân đóng góp: ..... đồng.

**Trong đó:**

- Chi phí xây dựng:.....đồng.
- Chi phí quản lý dự án: .....đồng.
- Chi phí khác: .....đồng.

**9. Nguồn vốn:** .....**10. Đơn vị lập dự toán công trình:** .....**11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:** .....**12. Diện tích sử dụng đất:**Tổng diện tích xây dựng công trình: .....m<sup>2</sup>.**13. Quy mô xây dựng và các thông số kỹ thuật chủ yếu:**

.....

.....

.....

.....

.....

**14. Khả năng tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi:**

.....

.....

.....

.....

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM****1. Văn bản pháp lý:**

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình;
- Quyết định thành lập Ban phát triển thôn.

**2. Hồ sơ xây dựng công trình**

- Quyết định phê duyệt giá vật liệu, nhân công, ca máy và thiết bị thi công;
- Bảng kê khối lượng công trình;
- Dự toán xây dựng công trình.

Ban phát triển thôn..... kính trình UBND xã .....  
 thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình: .....với  
 nội dung nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THÔN**



**Phụ lục 07**

CQ thẩm định.....  
Số:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

**Hồ sơ xây dựng công trình** .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã .....  
Căn cứ ..... ngày ..... của Chính phủ về  
Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương  
trình MTQG .....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND huyện..... về việc giao dự  
toán kinh phí thực hiện xây dựng công trình thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG.....;  
Căn cứ Hồ sơ xây dựng công trình gửi kèm tờ trình thẩm định.

(Tên cơ quan, đơn vị thẩm định) đã nhận được tờ trình số... ngày....tháng.... năm  
.....của.....đề nghị thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình..... Sau khi xem xét, (Tên cơ  
quan, đơn vị thẩm định) thông báo kết quả thẩm định công trình xây dựng như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

**1. Tên công trình:** .....

**2. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình:**  
.....  
.....

**3. Loại, cấp, quy mô công trình:** .....

**4. Chủ đầu tư:** .....

**5. Chủ sử dụng công trình:** .....

**6. Địa điểm xây dựng:** .....

**7. Thời gian thực hiện:** .....

**8. Giá trị dự toán xây dựng công trình:** .....đồng

(Bằng chữ: .....) )

Vốn nhà nước hỗ trợ:.....đồng.

Vốn nhân dân đóng góp: ..... đồng.

**Trong đó:**

- Chi phí xây dựng:.....đồng.

- Chi phí quản lý dự án: .....đồng.

- Chi phí khác: .....đồng.

9. Nguồn vốn: .....

10. Đơn vị lập dự toán công trình: .....

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .....

.....

12. Diện tích sử dụng đất:

Tổng diện tích xây dựng công trình: .....m<sup>2</sup>.

13. Quy mô xây dựng và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

.....

.....

.....

.....

.....

14. Khả năng tự thực hiện của người dân, cộng đồng hưởng lợi:

.....

.....

.....

.....

.....

## II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các quy hoạch xây dựng và đề án xây dựng NTM cấp xã.
2. Đánh giá sự phù hợp của thiết kế mẫu, thiết kế điển hình (nếu có) với điều kiện thực tế của mặt bằng thi công công trình.
3. Khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công.
4. Phù hợp với chủ trương đầu tư và khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân và các nguồn lực khác) theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và báo cáo thẩm định nguồn vốn và mức vốn NSNN.
5. Các chi phí đảm bảo đúng so với mặt bằng giá tại địa phương, các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có).
6. Các nội dung khác (nếu có).

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện (hoặc chưa đủ điều kiện) phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình.
- Các yêu cầu kiến nghị khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CƠ QUAN THẨM ĐỊNH**

**Phụ lục 08**

UBND xã.....  
Số: .../QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT HỒ SƠ XÂY DỰNG**

Tên công trình.....  
**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN XÃ**.....

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ ..... ngày ..... của Chính phủ về  
Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương  
trình MTQG .....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND huyện..... về việc giao dự  
toán kinh phí thực hiện xây dựng công trình thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG.....;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định công trình số.....;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1: Phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình với các nội dung sau:

1. Tên công trình: .....
2. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình: .....
3. Loại, cấp, quy mô công trình: .....
4. Chủ đầu tư: .....
5. Chủ sử dụng công trình: .....
6. Địa điểm xây dựng: .....
7. Thời gian thực hiện: .....
8. Giá trị dự toán xây dựng công trình: .....đồng (Bằng chữ: .....)  
Vốn nhà nước hỗ trợ:.....đồng.  
Vốn nhân dân đóng góp: ..... đồng.

**Trong đó:**

- Chi phí xây dựng:.....đồng.
- Chi phí quản lý dự án: .....đồng.
- Chi phí khác: .....đồng.

9. Nguồn vốn: .....

10. Đơn vị lập dự toán công trình: .....

11. Hình thức quản lý thực hiện: .....

Điều 2: Tổ chức thực hiện.....

Điều 3: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thi hành Quyết định....

**Nơi nhận**

- Như điều 3;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH UBND XÃ**

(Ký tên, đóng dấu)

## Phụ lục 09

UBND xã.....  
 BQL xã.....  
 Số:...../TB-BQL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
 ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THÔNG BÁO MỜI THẦU CỦA BAN QUẢN LÝ XÃ****Về việc mời thầu thi công xây dựng công trình**

Công trình.....

Căn cứ ..... ngày ..... của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG.....;

Căn cứ Quyết định số .... /QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND huyện... về việc giao dự toán kinh phí thực hiện xây dựng công trình thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG.....; Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm của UBND xã..... về việc phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình.

Để tổ chức quản lý thi công công trình trên, Ban quản lý xã thông báo và kính mời các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và tổ, nhóm thợ trên địa bàn đăng ký tham gia nhận thầu quản lý thi công công trình với những nội dung cụ thể sau:

**1. Tóm tắt nội dung công việc phải thực hiện:**

.....  
 .....

**2. Giá trị dự toán công trình được duyệt:**

Tổng giá trị: .....đồng.

Trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: .....đồng.

- Nguồn vốn nhân dân đóng góp:.....đồng.

**3. Thời gian và địa điểm phát mẫu đơn xin tham gia thi công:**

Mẫu đơn được phát miễn phí và không hạn chế cho các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và tổ, nhóm thợ trên địa bàn có quan tâm từ ngày.....đến ngày..... tháng.....năm..... tại trụ sở UBND xã.....

**4. Thời gian và địa điểm nộp đơn tham gia thi công:**

Các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và tổ, nhóm thợ trên địa bàn đăng ký tham gia trực tiếp nộp đơn trước ngày.....tháng.....năm.....

Địa điểm nhận đơn đăng ký: .....

**5. Thời gian và địa điểm xét đơn tham dự thi công:**

Thời gian xét đơn tham dự thi công ngày.... tháng.....năm.....tại.....

**Nơi nhận**

- UBND xã
- Niêm yết công khai
- Các trưởng thôn
- Lưu VP

**TRƯỞNG BQLDA XÃ**

**Phụ lục 10**

**BPT thôn/tổ nhóm  
thợ/.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

**ĐƠN DỰ THẦU**

**Thi công xây dựng công trình.....**

Chúng tôi/tôi là.....Đại diện cho cộng đồng/tổ nhóm thợ/các hộ hưởng lợi tại  
thôn.....xã.....huyện.....tỉnh.....

Sau khi nhận được thông báo mời thầu thi công công trình.....của Ban quản  
lý xã....., với việc tính toán hợp lý giải pháp thực hiện, tính toán chi phí thực  
tế, chúng tôi/tôi đề nghị được nhận thầu thi công xây dựng công trình:

Giá nhận thầu công trình:.....đồng.

Trong đó:

- Phần ngân sách nhà nước hỗ trợ:.....đồng.
- Phần đóng góp của người dân: .....đồng.

Chúng tôi gửi kèm đơn dự thầu bản giải thích ngắn gọn cách thức tổ chức thực hiện  
và bản kê chi tiết dự toán chi tiết các hạng mục công trình chào giá để chuyển đến Ban  
quản lý xã.....và cộng đồng.....đánh giá.

Đề nghị Ban quản lý xã.....đánh giá phê duyệt.

**THAY MẶT BPT THÔN/TỔ NHÓM.....**

**Phụ lục 11**

BQL xã.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

**Thi công xây dựng công trình.....**

Thời gian: .....giờ .....phút, ngày..... tháng ..... năm .....

Địa điểm: Tại.....

Thành phần tham dự:

Đại diện Ban quản lý xã:

.....  
.....

Đại diện Ban giám sát đầu tư cộng đồng:

.....  
.....

Đại diện người hưởng lợi:

.....  
.....

Đại diện Ban phát triển thôn, cộng đồng, tổ nhóm thợ tham gia dự thầu:

.....  
.....

**Nội dung cuộc họp:**

- Thông tin về các chủ trương chính sách, các quy định đầu tư và nội dung liên quan đến công trình đầu tư.
- Thông báo kết quả mở thầu.
- Các tiêu chí dự thầu.
- Các tiêu chí xét thầu.
- .....

**Các hồ sơ chào thầu gồm:**

**Hồ sơ Nhóm 1:** Đại diện thôn/tổ nhóm..... do ông/bà.....

- Giá chào thầu:
- Thời gian thi công:
- Các thông tin về dự toán và khối lượng hạng mục công trình chào thầu.
- Cách thức tổ chức thi công, năng lực, kinh nghiệm thực hiện.....

**Hồ sơ Nhóm 2:** Đại diện thôn/tổ nhóm..... do ông/bà.....

- Giá chào thầu:
- Thời gian thi công:
- Các thông tin về dự toán và khối lượng hạng mục công trình chào thầu.
- Cách thức tổ chức thi công, năng lực, kinh nghiệm thực hiện.....

**Hồ sơ Nhóm 3:** Đại diện thôn/tổ nhóm..... do ông/bà.....

- Giá chào thầu:
- Thời gian thi công:
- Các thông tin về dự toán và khối lượng hạng mục công trình chào thầu.
- Cách thức tổ chức thi công, năng lực, kinh nghiệm thực hiện.....

**\* Ý kiến đánh giá:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**\* Kết luận:**

Sau khi ghi nhận toàn bộ các ý kiến trao đổi, thảo luận, đánh giá so sánh với các quy định và tiêu chí dự thầu, xét thầu. Nhà thầu được đề nghị trúng thầu thực hiện thi công là.....với giá:.....đồng.

Đề nghị UBND xã xem xét và phê duyệt kết quả trúng thầu.

Cuộc họp kết thúc lúc ..... giờ ..... phút cùng ngày, có đọc lại cho tất cả thành viên dự họp nghe và thống nhất với các nội dung đã ghi vào biên bản.

**Người ghi biên bản**

**Đại diện người tham dự**

**Trưởng BQL xã**

**Phụ lục 12**

UBND xã.....  
Số: .../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH DUYỆT KẾT QUẢ TRÚNG THẦU**

Công trình.....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ .....**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ ..... ngày ..... của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG .....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND huyện... về việc giao dự toán kinh phí thực hiện xây dựng công trình thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG.....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm..... của UBND xã.....

về việc phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình;

Căn cứ Biên bản xét duyệt Hồ sơ trúng thầu công trình.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1: Phê duyệt kết quả trúng thầu xây dựng công trình với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** .....

**2. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình:**  
.....  
.....

**3. Loại, cấp, quy mô công trình:** .....

**4. Chủ đầu tư:** .....

**5. Chủ sử dụng công trình:** .....

**6. Địa điểm xây dựng:** .....

**7. Thời gian thực hiện:** .....

**8. Giá trị trúng thầu:** .....đồng

(Bằng chữ: .....)

Vốn nhà nước hỗ trợ:.....đồng.

Vốn nhân dân đóng góp: ..... đồng.

**9. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** tham gia thực hiện của cộng đồng.

**10. Hình thức hợp đồng:** (Hợp đồng trọn gói/Hình thức khác....)

Điều 2: Tổ chức thực hiện.....

Điều 3: Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thi hành Quyết định....

**Nơi nhận**

- Như điều 3

- Lưu VT

**CHỦ TỊCH UBND XÃ**

(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục 13**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ THỰC HIỆN GÓI THẦU**

SỐ: ..... /HĐKT

Căn cứ ..... ngày ..... của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG .....

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm.....của UBND xã..... về việc phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.....tháng.....năm.....của UBND xã..... về việc phê duyệt kết quả trúng thầu công trình.

Hôm nay, ngày..... tháng.....năm 20..... tại ..... chúng tôi gồm có:

**I/ ĐẠI DIỆN CÁC BÊN GIAO NHẬN THẦU**

**A/ Đại diện bên giao thầu (Bên A): Ủy ban nhân dân xã .....**

- Ông/Bà:..... - Chức vụ: .....
- Địa chỉ: ..... - Điện thoại:.....
- Số tài khoản:.....

**B/ Đại diện bên nhận thầu (Bên B): (Ban phát triển thôn).....**

- Ông/Bà:..... - Chức vụ: .....
- Địa chỉ: ..... - Điện thoại:.....
- Số tài khoản:.....

Hai bên cùng nhau bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:

**II/ NỘI DUNG HỢP ĐỒNG:**

1/ Tên gói thầu: Xây dựng mới công trình.....

2/ Yêu cầu về khối lượng, chất lượng đảm bảo đúng theo Quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu và hồ sơ xây dựng trúng thầu kèm theo.

3/ Giá trị hợp đồng:..... đồng.

(Số tiền bằng chữ: .....đồng).

4/ Thời gian thực hiện

- Ngày khởi công:
- Ngày hoàn thành:

5/ Tiến độ và hình thức thanh toán:

Tiến độ thanh toán:

- Tạm ứng sau khi ký hợp đồng (Không quá 50% giá trị hợp đồng):
- Thanh toán đợt 1:
- Thanh toán đợt 2:
- .....

Hình thức thanh toán: ..... (Chuyển khoản hoặc tiền mặt).

(Bảo hành công trình: giá trị .....% hợp đồng).

### **III/ TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN:**

1/Trách nhiệm bên A

- Cung cấp đầy đủ các hồ sơ xây dựng liên quan đến công trình.
- Cử cán bộ hỗ trợ, giám sát, nghiệm thu công trình hoàn thành.
- Thanh toán cho bên B theo đúng tiến độ và hình thức nêu tại mục 5 phần II nêu trên.

2/Trách nhiệm bên B

- Thi công và hoàn thành công trình theo đúng Hồ sơ xây dựng công trình được phê duyệt.
- Có trách nhiệm (hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức có trách nhiệm) trong việc huy động phần đóng góp của người dân và cộng đồng.

### **IV/ ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

1/ Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều trên, trong quá trình thực hiện hợp đồng có gì thay đổi hai bên kịp thời báo cho nhau biết trước 20 ngày hoặc cùng nhau bàn bạc giải quyết.

2/ Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày..... tháng..... năm .....

### **V/ HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng được thành lập .....bản, mỗi bên giữ..... bản có giá trị pháp lý như nhau.  
Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Phụ lục 14**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BẰNG HIỆN VẬT**

Tên tôi là:..... Chức vụ:.....  
 Địa chỉ:.....  
 Báo cáo các khoản đóng góp bằng hiện vật thực hiện công trình.....  
 của....., như sau:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Tên hiện vật	Số lượng	Chữ ký của người đóng góp	Phần do kế toán ghi	
						Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	E	2	3
	Cộng			XXX			XXX

Cộng số tiền viết bằng chữ: .....

**NGƯỜI KIỂM TRA**  
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN**  
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng.... năm...  
**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, họ tên)

**Phụ lục 15**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ ĐÓNG GÓP CÔNG**

Tên công trình: .....

Thôn/Xóm/Bản:.....Xã/Phường .....

Huyện/TP:.....Tỉnh .....

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Từ ngày / /20... đến ngày / /20..										Cộng	Ký xác nhận	
			1	2	...	10				...	...	31			
<b>Tổng cộng</b>															

Thành tiền (Tổng số công x Đơn giá):..... công x ..... đồng = .....đồng.

Số tiền bằng chữ: .....

**Người lập biểu**

**Trưởng nhóm (Trưởng thôn)**

**Phụ lục 16**

**GIẤY BIÊN NHẬN**

Họ và tên người nhận:.....

Đơn vị:.....

Chứng minh nhân dân/CCCD: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:

Tôi xin xác nhận đã nhận một số tiền/ hiện vật là:

.....  
.....

Viết bằng chữ:.....

Nội dung:

.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Người giao**

**Người nhận**

*(Khi thu tiền, chi tiền cần có giấy biên nhận để làm bằng chứng việc thu, chi tiền thực tế phát sinh)*

**Phụ lục 17**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT CỘNG ĐỒNG ĐÓNG GÓP TIỀN MẶT**

Tên công trình:.....  
Thôn/Xóm/Bản:.....Xã/Phường:.....Huyện/TP:.....Tỉnh:.....

ĐVT: Đồng

STT	Họ tên	Địa chỉ	Số tiền	Ký xác nhận
<b>Tổng cộng</b>				

Tổng số tiền bằng chữ: .....  
....., ngày ..... tháng ..... năm ....

Người lập biểu

Trưởng nhóm/thôn

**Phụ lục 18**

**SỔ QUỸ TIỀN MẶT**

Công trình:.....

Thôn/Xóm/Bản:..... Xã/Phường: .....

Huyện/TP: ..... Tỉnh:.....

ĐVT: *Đồng*

Ngày	Nội dung	Số tiền		
		Thu	Chi	Tồn
	Số dư đầu kỳ			
	Số dư cuối kỳ			

**Thủ quỹ/Kế toán**

**Trưởng nhóm/thôn**

**Phụ lục 19**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ MUA BÁN HÀNG HÓA**

Hôm nay, ngày ..... tại .....

**Bên A - Đại diện bên mua hàng là:**

- Ông (bà):.....
- Chức vụ, địa chỉ:.....
- Ông (bà):.....
- Chức vụ, địa chỉ: .....

**Bên B - Đại diện bên bán hàng là:**

- Ông (bà):.....
- Chức vụ: .....
- Đơn vị:.....
- Địa chỉ:.....
- CMT:.....
- Số điện thoại liên lạc: .....

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

**Điều 1: Nội dung công việc giao dịch**

Bên B bán cho bên A các mặt hàng như sau:

STT	Tên hàng - chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<b>Cộng</b>				

Số tiền bằng chữ: .....



**Điều 2: Chất lượng và quy cách hàng hóa**

.....  
.....  
.....  
Khi nhận hàng, bên mua kiểm nhận phẩm chất, quy cách hàng hóa. Nếu phát hiện hàng thiếu hoặc không đúng tiêu chuẩn chất lượng..... bên A có quyền yêu cầu bên B chuyển đủ số lượng hoặc đổi lại theo đúng thoả thuận yêu cầu. Bên bán có trách nhiệm bảo hành chất lượng và giá trị sử dụng cho bên mua trong thời gian.....

**Điều 3: Địa điểm và phương thức giao nhận**

Giao nhận tại mặt bằng của bên mua tại.....  
Phương tiện vận chuyển và chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp do bên ..... chịu, ..... trong giá trị hợp đồng.

**Điều 4: Phương thức thanh toán**

Bên B thanh toán cho bên A bằng hình thức:.....  
Bên A sẽ ứng trước cho bên B số tiền là.....đồng, sau khi hợp đồng được ký kết và số tiền còn lại sẽ được thanh toán nốt sau khi bên B bàn giao đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ cho bên A.

**Điều 5: Cam kết chung**

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trên.  
Mọi khoản thuế phát sinh do bên bán chịu trách nhiệm.  
Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.  
Bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này được lập 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 20

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng .....năm .....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

CÔNG TRÌNH .....

- 1. Loại vật liệu nghiệm thu: .....
- 2. Nguồn cung cấp: *(ghi rõ đại lý cung cấp hoặc địa điểm khai thác trong trường hợp vật liệu do nhân dân khai thác tại chỗ)*
- 3. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:
  - a. Đại diện UBND xã.....
    - Ông (bà):.....Chức vụ:.....
    - Ông (bà):.....Chức vụ:.....
  - b. Đại diện Ban quản lý xã .....
    - Ông (bà):.....Chức vụ:.....
    - Ông (bà):.....Chức vụ:.....
  - c. Đại diện Ban giám sát cộng đồng
    - Ông (bà):.....Chức vụ:.....
  - d. Đại diện tổ nhóm thợ thi công
    - Ông (bà):.....Chức vụ:.....
    - Ông (bà):.....Chức vụ:.....
- 4. Thời gian nghiệm thu:
  - Bắt đầu: ..... ngày..... tháng..... năm.....
  - Kết thúc: ..... ngày..... tháng..... năm.....
  - Tại: .....
- 5. Đánh giá chất lượng vật liệu:
  - a) Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu *(Hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng hoặc Biên bản nghiệm thu sơ bộ vật liệu xây dựng do dân đóng góp và các tài liệu có liên quan).*
  - b) Về chất lượng vật liệu xây dựng *(đối chiếu tiêu chuẩn vật liệu xây dựng):*.....
  - c) Các ý kiến khác (nếu có):.....
- 6. Kết luận:

- Chấp nhận *(hay không chấp nhận)* nghiệm thu vật liệu xây dựng đưa vào thi công công trình:...

**ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ XÃ**

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ**

**ĐẠI DIỆN BAN GS CỘNG ĐỒNG**

**ĐẠI DIỆN TỔ THỢ THI CÔNG**

**Phụ lục 21**

**BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

Hôm nay, ngày ..... tại .....

**Bên A - Đại diện bên mua hàng là:**

- Ông (bà):.....

Chức vụ, địa chỉ:.....

- Ông (bà):.....

Chức vụ, địa chỉ: .....

**Bên B - Đại diện bên bán hàng là:**

- Ông (bà):.....

- Chức vụ: .....

- Đơn vị:.....

- Địa chỉ:.....

- CMT:.....

- Số điện thoại liên lạc: .....

Căn cứ vào Hợp đồng đã ký kết giữa hai bên ngày .....tháng .....năm.....

Nay công việc đã xong hai bên đã tiến hành nghiệm thu và thanh quyết toán giữa hai bên. Kiểm tra thực tế bên A thấy rằng:

*(ghi rõ kết luận nghiệm thu và chi tiết sự thay đổi (nếu có) so với thoả thuận đã ký ban đầu )*

Tổng giá trị thỏa thuận ban đầu là: .....

Bằng chữ: .....

Tổng giá trị thực tế sau khi thi công là: .....

Bằng chữ: .....

Số tiền bên B đã tạm ứng trước là: .....

Bằng chữ: .....

Số tiền bên A còn phải thanh toán:.....

Bằng chữ: .....

Nay hai bên thống nhất thanh lý và nghiệm thu hàng hoá vào hồi .....giờ cùng ngày.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên)

## Phụ lục 22

**BẢNG KÊ THU MUA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
MUA VÀO KHÔNG CÓ HÓA ĐƠN**

*(Ngày ..... tháng ..... năm .....)*

- Tên nhóm cộng đồng:.....
- Địa chỉ: .....
- Địa chỉ nơi tổ chức thu mua:.....
- Người phụ trách thu mua: .....

Ngày tháng năm mua hàng	Người bán			Hàng hóa mua vào				Ghi chú
	Tên người bán	Địa chỉ	Số CMT nhân dân	Tên mặt hàng	Số lượng	Đơn giá	Tổng giá thanh toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9

- Tổng giá trị hàng hóa mua vào:.....

**Người lập bảng kê**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Trưởng nhóm**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

*(Liệt kê danh sách những người dân tự khai thác vật liệu và bán cho nhóm để thi công công trình theo mẫu này)*

**Phụ lục 23**

UBND xã.....  
Số: .../QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH ĐỂ ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

1. Tên công trình: .....

2. Địa điểm xây dựng: .....

**3. Thành phần tham dự nghiệm thu**

a/ Đại diện UBND xã: .....

b/ Đại diện BQL xã: .....

c/ Đại diện Ban giám sát đầu tư công đồng: .....

d/ Đại diện nhà thầu thi công: .....

e/ Đại diện chủ sử dụng công trình: .....

f/ Đại diện người hưởng lợi: .....

g/ Đại diện khác (nếu có): .....

**4. Thời gian tiến hành nghiệm thu**

Bắt đầu: .....ngày ..... tháng..... năm.....

Kết thúc: .....ngày ..... tháng..... năm.....

Tại:.....

**5. Đánh giá hạng mục/Công trình xây dựng**

a/ Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu (Hợp đồng giao nhận thầu, Hồ sơ xây dựng công trình được phê duyệt và các văn bản có liên quan).

b/ Chất lượng, khối lượng hạng mục công trình đối chiếu với khối lượng dự toán và chủng loại vật liệu thực hiện.

c/ Đánh giá tiến độ thực hiện.

d/ Các ý kiến khác (nếu có)

**6. Kết luận**

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục/công trình để đưa vào sử dụng.

- Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

- Các yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có).

Đại diện UBND xã

Đại diện BQL xã

Chủ sử dụng công trình

Đại diện BGSĐT cộng đồng

Đại diện người dân  
hưởng lợi

Các bên liên quan khác

**Phụ lục 24**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước.....

Tên dự án, công trình: ..... Mã số dự án đầu tư:.....  
 Chủ đầu tư/Ban QLDA:..... Mã số ĐVSDNS:.....  
 Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước.....tại:.....  
 - Vốn ngoài nước.....tại:.....

Căn cứ hợp đồng số:.....ngày.... tháng.... năm.....  
 Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm.....  
 Căn cứ bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành đề nghị thanh toán số...ngày...tháng ...năm...  
 (kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành)  
 Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán:.....đồng.  
 Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán.....đồng.  
 Số tiền đề nghị: ..... Tạm ứng: Thanh toán:  
 Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)  
 Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN;....)  
 Thuộc kế hoạch vốn: .....Năm.

Nội dung	Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng	Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)		Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)	
		Vốn TN	Vốn NN	Vốn TN	Vốn NN
Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng					
<b>Cộng dồn</b>					

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:.....  
 Bằng chữ:.....  
 Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):.....  
 + Vốn trong nước:.....  
 + Vốn ngoài nước:.....  
 - Thuế giá trị gia tăng:.....  
 - Chuyển tiền bảo hành (bằng số):.....  
 - Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số):.....  
 + Vốn trong nước:.....  
 + Vốn ngoài nước:.....  
 Tên đơn vị thụ hưởng:.....  
 Số tài khoản đơn vị thụ hưởng:.....tại .....

Ngày..... tháng.... năm....

**KẾ TOÁN**

(ký ghi rõ họ tên)

**CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**Phụ lục 25**

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Tên dự án:

Mã dự án:

Hợp đồng số:

Chủ đầu tư:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số:

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng				Đơn giá thanh toán		Thành tiền (đồng)				Ghi chú	
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Theo hợp đồng	Thực hiện				
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	<b>Cộng</b>													

1. Giá trị hợp đồng:
2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:
6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:  
Số tiền bằng chữ:
7. Lũy kế giá trị thanh toán:

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ**  
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Internet: <https://laodong.vn/thoi-su/thu-tuong-xay-dung-nong-thon-moi-chi-co-di-em-dau-khong-co-diem-ket-thuc-761182.ldo>
2. Bộ Kế hoạch và đầu tư (2017): Thông tư số 01/2017/TT-BKHĐT ngày 14.2.2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình lập kế hoạch đầu tư cấp xã thực hiện các Chương trình MTQG.
3. Bộ Nội vụ (2012): Thông tư số 04/2012/TT- BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.
4. Bộ Tài chính (2016): Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ NSNN thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020.
5. Bộ Tài chính (2016): Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn NSNN.
6. Bộ Tài chính (2016): Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.
7. Bộ Tài chính (2019): Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 Hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.
8. Kho bạc Nhà nước (2017): Công văn số 1082/KBNN-KSC về việc kiểm soát thanh toán các dự án thuộc Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 ngày 23 tháng 3 năm 2017.
9. Kho bạc Nhà nước (2016): Quyết định số 5657/QĐ - KBNN Ban hành Quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong nước qua hệ thống Kho bạc Nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2016.
10. Thủ tướng Chính phủ (2016): Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020.
11. Thủ tướng Chính phủ (2016): Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 – 2020.
12. Thủ tướng Chính phủ (2016): Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình MTQG.

13. Các tài liệu tham khảo của ba tỉnh Thanh Hóa, Lai Châu, Bắc Kạn: thiết kế mẫu, thiết kế điển hình các công trình, các văn bản quy định thực hiện công trình theo cơ chế đặc thù...
14. DWC (2016): Sổ tay “Thực hiện cơ chế đặc thù trong xây dựng nông thôn mới theo phương pháp Quản lý cộng đồng” – Dự án “*Thúc đẩy quản lý cộng đồng tại Việt Nam*” 2013 – 2016 do Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ - SDC tài trợ.
15. DWC (2008 – 2020): Các tài liệu tập huấn về Quản lý cộng đồng.
16. Tiến sỹ Đào Minh Châu - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ - SDC: Các bài trình bày về Quản lý cộng đồng trong Dự án “*Thúc đẩy quản lý cộng đồng tại Việt Nam*” 2008 – 2016.

## MỘT SỐ ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN





**NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI**

Số 4, Tổng Duy Tân, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 0243 8252 916

Website: www.nxbhanoi.com.vn

# **SỔ TAY HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG QUẢN LÝ CỘNG ĐỒNG**

Thực hiện các công trình quy mô nhỏ theo cơ chế đặc thù trong  
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

**TỔNG GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP**

**VŨ VĂN VIỆT**

Biên tập nội dung: Đàm Thị Ly

Kỹ thuật vi tính: Nguyễn Kỳ Thành

Sửa bản in: Hà Quang Hưng

Trình bày bìa: Lại Hoàng Yến

*Đối tác liên kết: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây  
dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*

In 1.500 cuốn, khổ 19x27cm, tại Công ty Cổ phần in Sao Việt. Địa chỉ: Số 9, Ngõ 40, Ngụy  
Như Kon Tum, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội. Quyết định xuất bản số: 570/QĐ-HN cấp  
ngày 19/3/2021; Số xác nhận đăng ký xuất bản: 909-2021/CXBIPH/06-72/HN.

ISBN: 978-604-55-8985-4.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2021.